

Số: 08/2025/DS-ST

Ngày: 27-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ri

2. Ông Lâm Mây

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2024/TLST-DSST ngày 29 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Công P, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã L, tỉnh Đồng Nai

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, xã L, tỉnh Đồng Nai

3. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 2000 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã L, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - nguyên đơn ông Huỳnh Công P trình bày:

Ngày 13/6/2024 ông P cho ông Lê Văn H vay số tiền 1.800.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 03 tháng kể từ ngày vay đến ngày 13/9/2024. Mục đích cho vay theo ông H nói là để mua bán bất động sản. Khi cho vay có làm “hợp đồng cho cá nhân vay tiền” có ông Nguyễn Văn P là người chứng kiến. Lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là theo lãi suất ngân hàng và hai bên đã thống nhất bằng lời nói là 1.5%/tháng, tức 27.000.000 đồng/tháng.

Đến hạn trả nợ ông H không trả và xin gia hạn nợ thêm 01 tháng đến ngày 13/10/2024 thì ông P đồng ý, việc gia hạn trên chỉ bằng lời nói, không làm giấy tờ gì, tuy nhiên sau đó ông H không thực hiện theo thỏa thuận và đến nay cũng chưa trả cho ông P khoản tiền gốc nào. Về tiền lãi ông H đã trả cho ông P 04 tháng tiền lãi từ ngày 13/6/2024 đến 13/10/2024 với tổng số tiền 108.000.000 đồng.

Khi khởi kiện ông H yêu cầu ông P trả số tiền gốc 1.800.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi 1.5%/ tháng tính từ ngày 13/9/2024 cho đến khi trả hết nợ. Tại phiên tòa hôm nay ông P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi, yêu cầu ông H trả tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn là 15%/năm tính từ ngày hết thời gian gia hạn trả nợ là 14/10/2024 đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định. Trường hợp số tiền lãi đã nhận là vượt quá so với quy định của pháp luật thì ông P đồng ý cản trừ vào nợ gốc. Ngoài ra ông P không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Đối với bị đơn ông Lê Văn H vắng mặt không có lý do: Quá trình giải quyết vụ án, ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt làm việc. Căn cứ biên bản xác minh ngày 20/3/2025 của Tòa án xác minh tại Công an thị trấn L, tỉnh Bình Phước (nay là Công an xã L, tỉnh Đồng Nai) thì ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay thuộc xã L, tỉnh Đồng Nai) và hiện ông H còn sinh sống, làm ăn tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho ông H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người làm chứng ông Nguyễn Văn Phương trình bày: Ông P có quen biết ông Huỳnh Công P và ông H, khoảng tháng 6 năm 2024 (không nhớ rõ ngày) ông P đến nhà ông Công P chơi thì thấy ông H cũng đang có mặt ở nhà ông Công P, ông P thấy ông Công P cho ông H vay 1.800.000.000 đồng, ông P có ký tên người chứng kiến tại hợp đồng vay tiền giữa các bên. Ngoài ra ông P không chứng kiến gì thêm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với bị đơn không chấp hành. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Đồng Nai không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả số tiền gốc là 1.800.000.000đ, tuy nhiên cần xem xét cản trừ tiền lãi trong hạn đã nhận vượt quá và chấp nhận yêu cầu buộc ông H trả tiền lãi quá hạn với mức lãi suất 15%/năm cho ông P theo quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh Công P yêu cầu ông Lê Văn H trả số tiền vay và tiền lãi nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét bị đơn cư trú tại xã L, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đồng Nai thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn

[2] Về điều kiện và thời hiệu khởi kiện: Căn cứ “hợp đồng cho cá nhân vay tiền” do ông P cung cấp thể hiện các bên thỏa thuận hạn trả tiền gốc là 03 tháng tính đến ngày 13/9/2024, tại phiên tòa ông P khai khi đến hạn ông H có xin gia hạn thêm 01 tháng và được ông P đồng ý nên hạn trả nợ là ngày 13/10/2024. Việc thỏa thuận gia hạn trên chỉ bằng lời nói nhưng ông H không có ý kiến trong quá trình Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận hạn trả nợ gốc theo trình bày của nguyên đơn là 13/10/2024. Như vậy ngày 18/11/2024 ông P nộp đơn khởi kiện đối với ông H tại Tòa án là đủ điều kiện khởi kiện và vụ án còn thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P yêu cầu ông H trả số tiền gốc là 1.800.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn thì ngày 13/6/2024 ông P có cho ông H vay số tiền 1.800.000.000 đồng, đã giao đủ số tiền trên cho ông H. Việc cho vay có lập giấy “hợp đồng cho cá nhân vay tiền” và có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn P.

Xét hợp đồng giữa các bên là hợp đồng vay tài sản, về hình thức hợp đồng không bắt buộc phải công chứng, chứng thực nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật từ thời điểm giao kết là ngày 13/6/2024 theo quy định tại các điều 117, 119, 385, 401, 463 Bộ luật dân sự 2015.

Quá trình giải quyết vụ án ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có mặt làm việc theo các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án. Như vậy ông H đã biết rõ sự việc ông P khởi kiện yêu cầu trả số tiền 1.800.000.000 đồng và tiền lãi nhưng không đến làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không phản đối đối với văn bản, tài liệu do nguyên đơn cung cấp nên nguyên đơn không phải chứng minh các chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra người làm chứng là ông Nguyễn Văn P cũng xác nhận có chứng kiến việc ông H đến vay tiền của ông P và chứng kiến ông P giao tiền cho ông H vay vào thời gian trên. Như vậy có cơ sở để chứng minh có sự việc ông P cho ông H vay số tiền 1.800.000.000 đồng theo hợp đồng ngày 13/6/2024 và đến nay ông H vẫn chưa trả nợ là đúng. Nay ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận giữa các bên, do đó xét yêu cầu khởi kiện của ông P yêu cầu ông H trả lại số tiền 1.800.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại các điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm

2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên nhận thấy về số tiền lãi trong hạn ông P đã nhận là vượt quá quy định nên cần trừ vào số tiền gốc ông H có trách nhiệm phải trả, cụ thể như sau:

Ông P khai ông H đã trả được 04 tháng tiền lãi tính đến 13/10/2024 với số tiền 108.000.000 đồng. Việc trả lãi không có giấy tờ chứng minh, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến, không cung cấp chứng cứ về việc trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận phần trình bày của nguyên đơn về số tiền lãi đã trả. Xét hợp đồng cho vay có thể hiện các bên thỏa thuận mức lãi suất “theo lãi suất ngân hàng”, nguyên đơn cho rằng các bên đã thỏa thuận bằng lời nói mức lãi 1.5%/tháng nhưng hợp đồng không thể hiện rõ thỏa thuận theo lãi suất nào và của ngân hàng nào do đó cần áp dụng mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể từ ngày 13/6/2024 đến 13/10/2024 là 04 tháng, tiền lãi trong hạn là 1.800.000.000 đồng $\times$ 10%/năm $\times$ 04 tháng = 60.000.000 đồng.

Ông P đã nhận 108.000.000 đồng lãi trong hạn là vượt quá 48.000.000 đồng so với quy định, do đó số tiền vượt quá trên được trừ vào tiền gốc = 1.800.000.000 đồng - 48.000.000 đồng = 1.752.000.000 đồng. Như vậy số tiền gốc ông H có trách nhiệm phải trả cho ông P là 1.752.000.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của ông P về việc yêu cầu ông H trả tiền lãi quá hạn tính từ ngày 14/10/2024 cho đến ngày xét xử vụ án với mức lãi suất 15%/năm.

Xét hợp đồng giữa các bên là hợp đồng vay có thời hạn và có tính lãi nên việc ông P yêu cầu ông H trả tiền lãi quá hạn với mức lãi suất 15%/năm tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến khi ngày xét xử vụ án là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, lãi được tính như sau:

Số tiền gốc 1.752.000.000 đồng, từ ngày 14/10/2025 đến ngày xét xử vụ án 27/8/2024 là: 1.752.000.000 đồng $\times$ 15%/năm $\times$ 10 tháng 13 ngày = 228.490.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi ông H phải trả cho ông P là 1.752.000.000 đồng + 228.490.000 đồng = 1.980.490.000 đồng

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 71.414.700 đồng. Ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 117, 119, 385, 400, 401, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Công P

Buộc ông Lê Văn H trả cho ông Huỳnh Công P số tiền 1.980.490.000 đồng (một tỷ chín trăm tám mươi triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng), trong đó tiền gốc là 1.752.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi hai triệu đồng), tiền lãi quá hạn là 228.490.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng)

2. Về án phí: Buộc ông H chịu 71.414.700 đồng (bảy mươi một triệu bốn trăm mười bốn ngàn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 - Đồng Nai) trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.864.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006760 ngày 29/11/2024.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 14;
- THADS tỉnh Đồng Nai
(Phòng THADS khu vực 14)
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Duyên